

LIÊN KẾT GIỮA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI: TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

COOPERATION AMONG LOCAL GOVERNMENTS IN ATTRACTING FOREIGN DIRECT INVESTMENT: THE CASE OF BINH DINH PROVINCE IN THE KEY ECONOMIC ZONE OF CENTRAL VIETNAM

Nguyễn Hiệp¹, Phan Văn Toàn²

¹Đại học Đà Nẵng; nguyenhiep@due.edu.vn

²Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định; toanskhdtd@hotmail.com

Tóm tắt - Dựa trên dữ liệu khảo sát các đối tượng có liên quan đến công tác thu hút FDI của Bình Định, nghiên cứu này đánh giá biểu hiện của phạm vi, mức độ, lợi ích, chi phí, rủi ro, môi trường và nội dung quản trị liên kết của Bình Định với các địa phương Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong thu hút FDI dưới góc nhìn của người trong cuộc. Kết quả nghiên cứu cho thấy phạm vi và mức độ liên kết vẫn còn ở mức thấp do nhận thức về lợi ích, chi phí và rủi ro liên kết còn chưa rõ ràng, một số khía cạnh môi trường liên kết chưa có nhiều thuận lợi cũng như tính chuyên nghiệp của quản trị liên kết vùng chưa ở mức cao. Trên cơ sở mong đợi của Bình Định sẽ gia tăng phạm vi, chiều sâu và tính chuyên nghiệp của liên kết, một số hàm ý chính sách được đề xuất, trong đó nhấn mạnh cần thiết phải xác định hướng ưu tiên phù hợp để tập trung xúc tiến liên kết.

Từ khóa - liên kết vùng; vùng kinh tế trọng điểm; miền Trung; thu hút FDI; Bình Định.

Abstract - Based on the data from a survey of the administrators whose jobs are involved with FDI attraction in Binh Dinh province, this study examines the scope, extent, benefits, costs, risks, operating environment and governance of the cooperation that Binh Dinh province's government has with others in the Key Economic Zone of Central Vietnam from the perspective of the insiders. Research results imply that the cooperation is still of a narrow scope with low intensity. The factors underlying this performance are diversion in perception about the benefits, costs and risks of the cooperation among the people involved; inherent existence of some unfavorable environmental conditions; as well as current lack of professional cooperation governance. To support the expectation of the government to intensify the cooperation, some implications of policies are raised with an emphasis on the necessity to determine appropriate priorities to promote cooperation activities.

Key words - regional cooperation; the Key Economic Zone; Central Vietnam; FDI attraction; Binh Dinh.

1. Đặt vấn đề

Nằm ở vị trí khá thuận lợi về điều kiện tự nhiên của vùng duyên hải Nam Trung bộ, Bình Định là một địa phương có tiềm năng phát triển lớn và đang nỗ lực thu hút các nguồn lực để khai thác các tiềm năng này phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Việc thu hút các nguồn lực bên ngoài địa phương là chủ trương lớn của tỉnh, và sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền địa phương và sự tham gia tích cực của các đơn vị tham mưu. Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa được như mong đợi, và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trường hợp điển hình.

Bảng 1. Tình hình thu hút FDI của tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 đến tháng 8 năm 2015

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
2010	1	12,392
2011	8	65,77
2012	5	21,88
2013	7	1.023,684
2014	9	140,995
Đến 8/2015	6	43,077
Tổng	36	1.307,798

(Nguồn: Sở KHĐT Bình Định)

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được địa phương xem là một nguồn lực quan trọng, có ý nghĩa nhiều mặt đối với phát triển. Ngay sau khi Việt Nam có luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào năm 1987, Bình Định đã chủ động đẩy mạnh thu hút FDI với nhiều giải pháp khác nhau và vì thế có được một

số kết quả đáng khích lệ (xem Bảng 1). Tuy nhiên, kết quả này chưa tương xứng với mong đợi. Thực tế số lượng dự án, tổng vốn đăng ký và thực hiện đều thấp. Xét về số lượng dự án còn hiệu lực, Bình Định xếp cuối danh sách so với các tỉnh duyên hải miền Trung. Bên cạnh đó, tác động của FDI vào kinh tế - xã hội của Bình Định hơn 20 năm qua có tăng lên, nhưng vẫn còn hạn chế, xét ở tất cả các góc độ, như đóng góp vào GDP, giá trị sản xuất công nghiệp và ngân sách địa phương (Sở KHĐT BD, 2012). Bình Định chưa có các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại. Đa số dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp như sản xuất thức ăn chăn nuôi, dăm gỗ, cơ khí, may mặc, thương mại... có quy mô nhỏ, công nghệ chưa phải là tiên tiến. Các dự án FDI chưa đóng góp lớn cho việc giải quyết công ăn việc làm. Bất lợi thể về vị trí địa lý, sự yếu kém về cơ sở hạ tầng, nhất là tình trạng thiếu điện, năng lực hạn chế của hệ thống cảng biển và các công trình hạ tầng liên quan, sự thiếu hụt trầm trọng nguồn lao động kỹ thuật cao, kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp... là những nguyên nhân làm giảm khả năng cạnh tranh trong thu hút FDI (Sở KHĐT BD, 2012). Bên cạnh đó, so với nhiều tỉnh trong khu vực, môi trường đầu tư Bình Định vẫn chưa đủ hấp dẫn nhà đầu tư có tiềm năng lớn. Điều này càng trầm trọng hơn khi nhu cầu FDI của các địa phương trong cả nước nói chung và trong vùng nói riêng ngày càng cao, dẫn đến khả năng cạnh tranh gay gắt hơn trong thu hút.

Xu hướng tạo lập các vùng động lực cho nền kinh tế Việt Nam phát triển đã được hình thành từ lâu, và chủ trương triển khai các vùng kinh tế trọng điểm đã được xúc tiến mạnh mẽ trong thập kỷ qua. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, với 5

tỉnh thành là Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, là một trong 4 vùng của cả nước được thành lập theo chủ trương này. Từ năm 2011, lãnh đạo các địa phương trong Vùng và các tỉnh lân cận đã chính thức ký kết biên bản thỏa luận liên kết. Trong khuôn khổ này, nhiều hoạt động và thể chế liên kết vùng đã được triển khai. Đây có thể là kênh quan trọng giúp Bình Định khắc phục được tình trạng khó khăn của công tác thu hút vốn FDI. Trong số các hoạt động có thể đưa vào chương trình nghị sự triển khai hợp tác, liên kết trong thu hút các nhà đầu tư nước ngoài có thể là một ưu tiên đáng được xem xét bởi đặc tính riêng có và tầm quan trọng của hoạt động này. Thực tế cho thấy đã có những hoạt động chung có liên quan đến thu hút FDI được triển khai.

Trong thời gian trước khi thỏa thuận liên kết vùng được ký kết, nhiều lập luận về những lợi ích mà liên kết mang lại được nêu ra cũng như những dự kiến về cơ chế liên kết và quản trị liên kết vùng được đề xuất. Sau thời gian thỏa thuận được ký kết và một số hoạt động liên kết được triển khai, dư luận cũng bắt đầu quan tâm tính hiệu lực và tính hiệu quả của liên kết này. Tuy nhiên, những nội dung lập luận đa phần là mô tả những hành động đã và đang diễn ra, chưa có những nghiên cứu cụ thể về thực trạng và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến nó.

Nghiên cứu này lấy thu hút FDI làm bối cảnh và đứng ở góc nhìn một địa phương thành viên là Bình Định để nghiên cứu như là một trường hợp nghiên cứu điển hình về liên kết giữa các địa phương của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung. Phạm vi và mức độ liên kết; lợi ích, chi phí và rủi ro trong liên kết; các đặc trưng của môi trường liên kết và công tác quản trị liên kết được đánh giá thông qua các quan sát thực tế và khảo sát ý kiến những người có tham gia vào quá trình thu hút đầu tư của tỉnh Bình Định (và vì thế có hiểu biết về liên kết trong thu hút đầu tư). Ngoài các phân tích xu hướng trung tâm và phân tích so sánh, nghiên cứu cũng sử dụng các nền tảng lập luận của lý luận liên kết để đưa ra các nhận định về các mối quan hệ cụ thể có liên quan, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách. Phân tích này vì thế được mong đợi có thể giúp có được cái nhìn nhiều chiều về liên kết vùng trong thu hút FDI mà các nghiên cứu trước đây chưa tiếp cận. Đồng thời, nghiên cứu cũng hướng đến các giá trị thực tiễn của các kết quả phân tích và hàm ý chính sách đối với tỉnh Bình Định trong thu hút FDI.

2. Một số vấn đề lý luận

Theo cách tiếp cận quản trị, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là một quá trình marketing quốc tế trong đầu tư, trong đó quốc gia/địa phương thông qua các định hướng, chính sách, công cụ và hoạt động cần thiết nỗ lực để các nhà đầu tư tiềm năng biết đến quốc gia/địa phương mình như là một địa điểm đầu tư hấp dẫn, giúp các nhà đầu tư này hình thành ý đồ đầu tư, ra quyết định đầu tư và được cấp giấy phép đầu tư vào quốc gia/địa phương đó, đồng thời giữ các nhà đầu tư hiện tại tiếp tục hoạt động kinh doanh và/hoặc gia tăng đầu tư tại nước/địa phương mình.

Liên kết giữa các địa phương, theo định nghĩa của CoE, UNDP và LGI (2008), là việc các chính quyền địa phương lân cận nhau cùng nỗ lực thực hiện các công việc xây dựng, phát triển và quản lý các dịch vụ và cơ sở hạ tầng công cộng hoặc trong cung ứng các dịch vụ này nhằm đáp ứng tốt hơn

nhu cầu của người sử dụng và cho mục đích phát triển của địa phương. Theo cách tiếp cận trên, liên kết trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là sự liên kết quá trình marketing cho các cơ hội đầu tư với đối tượng “khách hàng” là các nhà đầu tư nước ngoài. Dựa vào bản chất của liên kết giữa các chủ thể là các chính quyền địa phương và nội dung thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài được liệt kê bởi Loewendahl (2001), có thể chia liên kết trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thành 8 nội dung cơ bản sau đây: phối hợp về mục tiêu thu hút; phối hợp định hướng thu hút; liên kết trong cải thiện môi trường đầu tư; liên kết trong hoạch định và sử dụng các công cụ thu hút đầu tư (công cụ thể chế và công cụ khuyến khích); liên kết trong công tác quảng bá xúc tiến đầu tư; liên kết trong hỗ trợ và quản lý tiền dự án; liên kết trong hỗ trợ và quản lý sau cấp phép đầu tư; và liên kết tổ chức giám sát cạnh tranh trong thu hút đầu tư.

Về mặt lý luận, quyết định có liên kết hay không và liên kết ở mức độ nào phụ thuộc vào nhận thức về lợi ích có được từ liên kết, các chi phí phải bỏ ra trong quá trình đó cũng như những rủi ro có thể gặp phải trong liên kết (Feiock, 2013). Trong quá trình liên kết, có nhiều nhân tố quyết định sự thành công của liên kết thông qua ảnh hưởng đến chi phí liên kết, khả năng tồn thất từ các rủi ro có thể phát sinh. Theo cách tiếp cận này, có nhiều yếu tố môi trường bên ngoài liên kết thuộc các nhóm chính trị - hành chính, địa lý - kinh tế và văn hóa - xã hội có thể tác động đến liên kết (Turrini và ctg., 2010). Bên cạnh đó, bản thân nội dung quản trị liên kết cũng là yếu tố quyết định đến sự tham gia của các địa phương và sự thành công của liên kết. Các khía cạnh nổi bật của quản trị liên kết thường được xem xét là cấu trúc, quản lý và lãnh đạo liên kết (Turrini và ctg., 2010; Otgaar và ctg., 2008; Cristofoli và ctg., 2011).

3. Tình hình liên kết với các địa phương khác của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong thu hút FDI của tỉnh Bình Định

Với chủ trương của Nhà nước trong việc xúc tiến hình thành các vùng kinh tế trọng điểm làm đầu tàu tăng trưởng, 5 tỉnh thành khu vực duyên hải miền Trung đã có nhiều động thái hợp tác trong khuôn khổ Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Chủ trương hình thành vùng kinh tế trọng điểm cho phép có được sự mở đầu thuận lợi cho việc tạo lập nên cơ chế hợp tác hữu hiệu giữa các địa phương trong vùng, qua đó có cơ hội phát huy lợi thế, hạn chế những khó khăn từ cạnh tranh không đáng có, giúp thực hiện được mục tiêu thu hút đầu tư của từng địa phương, trong đó có đầu tư trực tiếp nước ngoài. Liên kết vùng giữa chính quyền các địa phương miền Trung có dấu ấn bởi sự kiện Diễn đàn kinh tế miền Trung vào tháng 4 năm 2007 tại Quảng Nam với chủ đề “Liên kết vì sự phát triển kinh tế miền Trung” dưới sự khởi xướng của Báo Tuổi trẻ. Sự kiện do một cơ quan nhà nước lần đầu tiên chủ trì (Bộ Kế hoạch - Đầu tư) là Diễn đàn “Hợp tác vùng kinh tế trọng điểm miền Trung” được tổ chức tại Quảng Ngãi vào tháng 3 năm 2010. Đáng chú ý nhất trong lịch sử liên kết giữa các địa phương trong vùng có thể là sự kiện các bí thư thành ủy, tỉnh ủy của 7 tỉnh duyên hải miền Trung thống nhất ký “Biên bản cam kết liên kết phát triển 7 tỉnh duyên hải miền Trung” tại một hội thảo vào tháng 7 năm 2011. Bình Định là một trong những nhân tố tích cực trong việc vận động tổ chức hội thảo, đồng thời có những phát biểu thể hiện rõ nhu cầu thật sự và

cam kết mạnh mẽ thực hiện liên kết. Mặc dù đây là liên kết phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung, các cam kết có nhiều khía cạnh có liên quan đến liên kết thu hút đầu tư nói riêng. Cam kết thể hiện rõ mục tiêu giai đoạn trước mắt là “tạo lập không gian kinh tế thống nhất toàn vùng để cùng phát triển, tăng sức cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế” (Văn phòng UBND BD, 2011). Nếu mục tiêu này đạt được, Bình Định sẽ được hưởng lợi từ việc hình ảnh của cả vùng được cải thiện, điều này có thể có ảnh hưởng lớn đến nhận thức và hành vi đầu tư của các nhà đầu tư tiềm năng. Đồng thời, độ hấp dẫn của các cơ hội đầu tư ở Bình Định cũng sẽ được nâng cao từ các nỗ lực tạo lập không gian kinh tế thống nhất này. Cam kết cũng đề cập đến các nội dung thực hiện có liên quan trực tiếp đến thu hút đầu tư như “cùng nghiên cứu (...) điều chỉnh quy hoạch phát triển”, “hợp tác trong huy động vốn đầu tư”, “phối hợp xúc tiến đầu tư”, “cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư”...(Văn phòng UBND BD, 2011). Những nội dung cam kết này có liên quan mật thiết với nhiều nội dung trong 8 nội dung liên kết thu hút FDI nêu ở phần cơ sở lý luận ở trên, tạo tiền đề cho Bình Định chủ động đề xuất hoặc tham gia các sáng kiến liên kết trong thu hút FDI giữa các địa phương trong vùng. Sau khi biên bản được ký kết, Tổ điều phối Vùng, Nhóm Tư vấn liên kết phát triển vùng và Quỹ nghiên cứu phát triển vùng được thiết lập. Ở một mức độ nào đó, các cơ quan này đã phát huy được vai trò xúc tiến các mối liên hệ giữa các địa phương thời gian qua. Nhiều sự kiện thường niên cũng đã được tổ chức vì mục đích này. Về liên kết thu hút đầu tư, có thể kể đến hai sự kiện liên quan trực tiếp là Hội thảo khoa học “Kinh nghiệm thu hút đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp các tỉnh duyên hải miền Trung” tại Bình Định (tháng 8/2012) và Hội nghị “Xúc tiến đầu tư Vùng duyên hải miền Trung” (tháng 3/2013) tại Đà Nẵng với sự tham gia của cả 9 tỉnh thành của khu vực và vai trò tích cực của Bình Định. Tháng 8 năm 2014, “Diễn đàn liên kết kinh tế miền Trung - Giải pháp huy động sức mạnh miền Trung trong giai đoạn mới” cũng có đề cập đến mục tiêu liên kết để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển, trong đó có FDI. Điều này tạo được bầu không khí hợp tác, nâng tầm nhận thức và thôi thúc động cơ liên kết trong nội bộ tổ chức và cá nhân của từng địa phương...

Tuy nhiên, có thể thấy rằng các hoạt động này chỉ dừng lại ở mức độ thể hiện quan điểm và trao đổi thông tin. Các lợi ích có thể thấy được là tình trạng bất đối xứng thông tin giảm dần, qua đó có thể giúp các địa phương giảm bớt rủi ro rơi vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan của các đồng phạm” khi tất cả cùng chịu thiệt thòi trong “trò chơi” cạnh tranh thu hút khi đưa ra các quyết định có liên quan trong thu hút FDI. Cũng có một vài sự kiện thu hút mà Bình Định cùng tham gia với các địa phương khác trong Vùng như cùng xúc tiến thông qua các quầy giới thiệu cơ hội đầu tư tại Hội nghị “Xúc tiến đầu tư Vùng duyên hải miền Trung”. Tuy nhiên, những sự kiện này cũng chỉ mới ở hình thức cùng tập trung để thực hiện các công việc riêng, chưa có biểu hiện của sự phân công lao động cụ thể hay cùng thực hiện một công việc có lợi hoặc không thực hiện một công việc có hại cả các bên. Có thể quan sát thấy rằng hoạt động liên kết với các địa phương trong vùng trong thu hút FDI của tỉnh Bình Định còn hạn chế.

Để làm rõ hơn nội dung, mức độ liên kết và các khía

khác nhau của nó, nghiên cứu này đã tổ chức khảo sát các nội dung có liên quan đến liên kết vùng trong thu hút FDI mà đối tượng khảo sát là những người thuộc bộ máy chính quyền tỉnh Bình Định có liên quan đến các nỗ lực thu hút FDI của địa phương. Nội dung của các lý thuyết hành vi là cơ sở của việc lựa chọn các đối tượng này phục vụ khảo sát. Việc triển khai hoạt động liên kết thu hút đầu tư thực tế được tiến hành bởi bộ máy chính quyền, trong đó lãnh đạo cấp cao của địa phương đưa ra các quyết định liên quan trên cơ sở tham mưu của các bộ phận chức năng và chỉ đạo cho các cấp chức năng thực thi cụ thể. Vì thế, hoạt động liên kết sẽ xuất phát từ chính hành vi của các đối tượng nêu trên. Những hành vi này đều xuất phát từ nhận thức của họ về lợi ích, chi phí và rủi ro của liên kết, cũng như những nhận thức về tác động của môi trường hoạt động và thực tế cấu trúc, quản lý và lãnh đạo liên kết. Điều tra nhận thức và kỳ vọng của họ về liên kết trong thu hút FDI sẽ là nguồn dữ liệu quan trọng và tin cậy để biết được thực trạng và dự báo được tương lai liên kết.

Điều tra tại Bình Định được thực hiện trong các tháng 7-8/2015 đối với các đối tượng làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (trong đó có Trung tâm Xúc tiến đầu tư), và Ban quản lý Khu kinh tế của Bình Định có liên quan đến hoạt động thu hút FDI của địa phương. Tổng cộng 28 phiếu điều tra được thu về trong tổng số khoảng trên 40 người của tổng thể, trong đó có 25 phiếu hợp lệ. Nội dung bản hỏi xoay quanh nhận thức về thực tế và mong muốn hoặc kỳ vọng của người được khảo sát về các nội dung như nội dung, mức độ, môi trường và quản trị liên kết. Đáp viên được yêu cầu chỉ ra mức độ đồng ý của mình (theo thang đo 5 mức với 1 là hoàn toàn không đồng ý và 5 là hoàn toàn đồng ý) về các nhận định được đưa ra.

Trong 8 nội dung liên kết được đưa vào khảo sát, nhận định hiện tại địa phương đang triển khai mạnh mẽ hoạt động liên kết trong cải thiện môi trường đầu tư thu hút FDI có tỷ lệ đáp viên chọn mức đồng ý là 4 hoặc 5 là cao nhất, đạt 60%. Thấp nhất là nhận định địa phương hiện đang triển khai mạnh mẽ hoạt động liên kết trong hỗ trợ và quản lý tiền dự án FDI, chỉ ở mức 16%. Tỷ lệ đồng ý ở mức 4 và 5 cho các nhận định liên kết mạnh mẽ trong hỗ trợ và quản lý sau cấp phép và liên kết trong giám sát cạnh tranh thu hút đều ở mức thấp (dưới 30%). Các nhận định rằng hiện đang có sự phối hợp chặt chẽ về mục tiêu thu hút, phối hợp về định hướng ngành và các dự án thu hút, liên kết sử dụng công cụ khuyến khích FDI và liên kết quảng bá, xúc tiến FDI giữa Bình Định và các tỉnh trong Vùng đều có mức đồng ý 4 và 5 dưới 50%. Nội dung các hoạt động liên kết đang được triển khai cũng được cảm nhận thấp hơn so với mong đợi của những người tham gia công tác thu hút FDI của tỉnh, trong đó mức chênh lệch cao nhất nằm ở nội dung liên kết trong hỗ trợ và quản lý tiền dự án FDI, với mức đồng ý trung bình trong trường hợp tình hình thực tế so với mong đợi lần lượt là 3,04 và 4,08. Nội dung liên kết trong công tác quảng bá, xúc tiến FDI được kỳ vọng ở mức cao nhất, với mức đồng ý trung bình là 4,44.

Để nghiên cứu mức độ liên kết, nghiên cứu đã khảo sát 11 khía cạnh khác nhau là tính chiến lược dài hạn; tính toàn diện về nội dung; tính nhiều chiều của quan hệ; tính ràng

buộc của thỏa thuận; tính chặt chẽ, hiệu lực của định chế kiểm soát; mức độ tham gia của bộ máy thực thi; mức độ quan tâm của lãnh đạo; mức độ cam kết hỗ trợ của lãnh đạo; mức độ chi tiêu thu hút FDI thông qua kênh liên kết; mức đóng góp của liên kết trong gia tăng mức độ nhận biết và quan tâm của nhà đầu tư tiềm năng; và mức đóng góp của nỗ lực tập thể trong kết quả thu hút. Kết quả khảo sát cho thấy rằng mức độ liên kết hiện tại nhìn ở tất cả các khía cạnh đều không cao, với mức đồng ý trung bình từ 3,08 đến 3,64. Các mức trung bình này đều thấp hơn mức trung bình của kỳ vọng của những người được khảo sát, có giá trị từ 3,84 đến 4,36. Trong các khía cạnh này, liên kết có tính chiến lược dài hạn và có cam kết cao của lãnh đạo địa phương là các khía cạnh có tỷ lệ đáp viên lựa chọn mức đồng ý 4 hoặc 5 là cao nhất (đều ở mức 56%). Đặc biệt, khía cạnh chi tiêu tài chính thu hút FDI thông qua kênh liên kết có tỷ lệ đáp viên lựa chọn mức đồng ý từ 1 đến 3 là cao nhất (68%).

Nguyên nhân của thực trạng này có thể xuất phát từ những lợi ích hiện hữu của liên kết hay các rào cản từ chi phí, rủi ro cao của liên kết. Thực tế này có thể được thúc đẩy hay hạn chế bởi các yếu tố môi trường liên kết hoặc cách thức tổ chức, quản lý và lãnh đạo liên kết. Nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát nhiều khía cạnh khác nhau của các nội dung trên. Lợi ích liên kết được khảo sát ở 6 nội dung là liên kết giúp tạo nhiều cơ hội đầu tư hơn và tốt hơn; giúp đạt được các mục tiêu thu hút FDI; tiết kiệm được chi phí phục vụ cạnh tranh lẫn nhau; giảm chi phí do loại bỏ các hoạt động chồng chéo; giảm chi phí do tận dụng lợi ích kinh tế theo quy mô và học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm thu hút FDI. Kết quả khảo sát cho thấy giá trị trung bình của mức độ đồng ý về các nhận định liên quan đến lợi ích liên kết hiện tại là không cao (từ 3,08 đến 3,44). Học hỏi được thêm kinh nghiệm được cảm nhận là lợi ích nổi trội nhất trong khi lợi ích kinh tế theo quy mô trong các hoạt động chung là chưa cao. Trong các nội dung hoạt động liên kết, lợi ích từ liên kết trong cải thiện môi trường đầu tư thu hút FDI được đánh giá cao nhất, với mức đồng ý trung bình là 3,72. Những lợi ích hiện tại được cảm nhận thấp hơn so với kỳ vọng, với mức đồng ý trung bình của tất cả các khía cạnh lợi ích kỳ vọng đều trên 4, nằm ở hầu hết các nội dung liên kết.

Về chi phí trong liên kết, với nội dung nhận định địa phương đang bỏ ra nhiều chi phí khi tham gia liên kết ở 6 khía cạnh là chi phí tìm kiếm thông tin phục vụ ra quyết định liên kết; chi phí đàm phán giao dịch phục vụ thiết lập liên kết; chi phí triển khai thực hiện thỏa thuận liên kết; chi phí giám sát hiệu lực liên kết; các thiệt hại do từ bỏ lợi ích riêng; và các thiệt hại do mất một phần quyền tự chủ khi tham gia liên kết, mức đồng ý trung bình nằm ở các mức từ 3,08 đến 3,32. So với kỳ vọng, các mức trung bình này có thấp hơn nhưng không nhiều. Điều này cho thấy các cá nhân có liên quan cảm nhận hiện tại và ước tính các chi phí này là không lớn. Trong các chi phí này, "chi phí" trong liên kết sử dụng các công cụ khuyến khích FDI có biểu hiện là lớn nhất.

Về rủi ro liên kết, các nhận định có tồn tại rủi ro cao ở 5 khía cạnh là rủi ro không thể phối hợp hay phối hợp không tốt; rủi ro bất đồng trong phân chia trách nhiệm; rủi ro bất đồng trong phân chia lợi ích; rủi ro đối tác thực hiện cam kết thấp; và rủi ro tác dụng phụ từ hành động liên kết đều có mức độ đồng ý trung bình tương đối cao, trong khoảng từ 3,4

đến 3,72. Tỷ lệ các đồng ý ở mức 1 và 2 của cả 5 khía cạnh chỉ trong khoảng 4% đến 16%. Riêng rủi ro không thể phối hợp chung hay phối hợp chung không tốt có tỷ lệ đồng ý ở mức 4 và 5 là 64%, nếu kể cả mức 3 thì tỷ lệ này là 96%. Một thực tế khá thú vị là kỳ vọng rủi ro sẽ cao lại nhận được mức độ đồng ý cao hơn, chứng tỏ các đáp viên cảm nhận được các rủi ro tiềm ẩn có thể cao hơn nữa. Trong các hoạt động liên kết, rủi ro của hoạt động liên kết trong cải thiện môi trường đầu tư thu hút FDI được cho là có rủi ro cao nhất.

Về môi trường liên kết, nghiên cứu khảo sát 16 yếu tố môi trường có ảnh hưởng trực tiếp đến liên kết của Bình Định với các tỉnh thành trong Vùng, được chia thành 3 nhóm là môi trường chính trị - hành chính, môi trường địa lý - kinh tế và môi trường văn hóa xã hội. Các nhận định được thiết kế theo hướng diễn đạt các yếu tố môi trường này là thuận lợi để hỏi về mức độ đồng ý của đối tượng khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ đồng ý với các nhận định về mức độ thuận lợi của môi trường liên kết ở nhóm môi trường địa lý - kinh tế và nhóm môi trường văn hóa - xã hội (với mức trung bình từ 3,44 đến 3,88) cao hơn nhóm môi trường chính trị - hành chính (từ 3,16 đến 3,24). Một số yếu tố môi trường được cho là khá thuận lợi là: thái độ thân thiện và sẵn sàng ủng hộ các hoạt động tập thể giữa các địa phương của người dân, giới doanh nghiệp và chính quyền; các địa phương có đặc điểm lịch sử đặc biệt và có truyền thống hợp tác sâu rộng từ trước tạo điều kiện hợp tác thuận lợi; có điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên và kinh tế giúp khai thác lợi ích kinh tế theo quy mô trong liên kết; có sự kết nối của điều kiện cơ sở hạ tầng... Những điều kiện chính trị - hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động liên kết được đánh giá không cao. Số lượng các cấp của bộ máy chính quyền, độ nhạy của sự ổn định của bộ máy hành chính địa phương với liên kết, mức độ coi trọng quyền tự chủ của từng địa phương, khác biệt về cách thức và văn hóa tổ chức bộ máy hành chính địa phương, và khác biệt về năng lực cán bộ được nhận định không phải là điều rất thuận lợi cho tổ chức liên kết giữa các địa phương trong thu hút FDI.

Tìm hiểu về hiện trạng cấu trúc liên kết vùng thông qua cảm nhận của các cá nhân có liên quan, nghiên cứu này khảo sát 9 nội dung, cụ thể là: hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ liên kết vùng trong thu hút FDI; điều phối của chính quyền trung ương; vai trò của cơ quan điều phối vùng; tính chính thức và cụ thể của chương trình nghị sự liên kết; sự thống nhất về mục tiêu và cách thức tổ chức liên kết; vai trò của nhân sự cấp chức năng (thực thi) của từng địa phương; sự đồng nhất giữa các địa phương về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong liên kết; mức độ tin cậy lẫn nhau giữa các địa phương; và sự thống nhất và mức độ tôn trọng các chuẩn mực cần phải tuân thủ khi liên kết. Tất cả các nhận định về đặc tính thúc đẩy kết quả và hiệu quả liên kết của các đặc trưng cấu trúc tổ chức này đều nhận được mức đồng ý không cao, đa phần ở mức 3. Nội dung có mức đồng ý trung bình tương đối cao là các địa phương trong Vùng có sự tin tưởng lẫn nhau cao (mức 3,52) và có nhiều hoạt động phối hợp giữa nhân sự cấp chức năng (mức 3,56)¹. Các nội dung có

¹ Giá trị này thực tế có thể thấp hơn vì có khả năng bị chệch phải do có 1 quan sát có thể là yếu tố ngoại biên (outlier) khi đánh giá toàn bộ các chi báo liên quan đến cấu trúc chỉ một mức 5.

mức đồng ý thấp nhất liên quan đến hệ thống pháp luật, điều phối của Trung ương và điều phối Vùng.

Một trong những yếu tố quan trọng để giải thích mức độ liên kết hiện tại là cách thức tổ chức quản lý quá trình liên kết. Nghiên cứu chọn 9 khía cạnh khác nhau của nội dung này để khảo sát, cụ thể là: thiết lập được một cách đáng kể các công cụ khuyến khích nhân sự cấp chức năng tích cực tham gia các hoạt động liên kết; tập hợp được nhiều người có năng lực tham gia triển khai liên kết; khả năng vận động và tạo ra các cam kết thật sự của các bên tham gia; khả năng tự tạo dựng môi trường hợp tác thuận lợi; có quy trình ra quyết định liên kết một cách chặt chẽ và có sự đầu tư công sức thỏa đáng; những người quản trị liên kết là những người có đạo đức và trách nhiệm; có cơ chế để cộng đồng địa phương có tiếng nói đối với hoạt động liên kết; và nhân sự quản trị liên kết vùng không có nhiều biến động thời gian qua. Không khác nhiều với nội dung cấu trúc liên kết, không có khía cạnh nào có mức đồng ý cao đáng chú ý. Hai nhận định liên quan đến con người là liên kết được triển khai bởi nhiều người có năng lực và ít có sự biến động của nhân sự quản trị liên kết vùng nhận được mức đồng ý cao nhất trong nhóm này.

Trong lý thuyết về liên kết, vai trò lãnh đạo có quyết định đến liên kết. Liên kết có thể được cấu trúc tốt và cơ chế quản lý tốt, nhưng thiếu một lực lượng cụ thể lãnh đạo thì khó tạo nên sự thành công. Vai trò lãnh đạo trong liên kết thu hút FDI có thể thể hiện thông qua các khía cạnh như lãnh đạo hoạt động điều phối của chính quyền cấp trên; tính tiên phong của một hay vài địa phương trong liên kết; tính tiên phong của một vài tổ chức hành chính của một địa phương hay của toàn Vùng; vai trò của các lực lượng bên ngoài khu vực công như người dân, doanh nghiệp, giới học thuật...; hay tính tiên phong của một hay vài cá nhân trong xúc tiến liên kết. Kết quả khảo sát cũng cho thấy không có nhiều nhân tố tiên phong lãnh đạo nào dẫn dắt quá trình liên kết trong thu hút FDI, ngoại trừ nhân tố yếu tố tiên phong của một hay vài cá nhân được cảm nhận cao hơn, với mức đồng ý 4 và 5 chiếm khoảng trên 50%.

4. Bình luận và hàm ý chính sách

Kết quả khảo sát và các quan sát ban đầu đều cho thấy liên kết trong thu hút FDI của Bình Định chưa thật sự là hoạt động riêng rẽ, nổi trội trong toàn bộ hoạt động phối hợp của Vùng. Nội dung và mức độ liên kết thực tế còn thấp hơn so với mong đợi của những người có liên quan trong bộ máy thu hút FDI của tỉnh, cho thấy khả năng có thể gia tăng liên kết trong tương lai. Điều này cũng khá phù hợp với kết quả khảo sát về việc nên hay không nên tham gia và gia tăng liên kết vùng trong lĩnh vực này. Khi được hỏi ý kiến, 100% đáp viên trả lời là Bình Định nên tiếp tục tham gia liên kết vùng trong thu hút FDI và 84% cho rằng nên gia tăng mức độ tham gia này. Bên cạnh đó, liên kết trong cải thiện môi trường đầu tư được cảm nhận có biểu hiện tích cực nhất cũng phù hợp với mục tiêu trước mắt của liên kết tổng thể giữa các địa phương là tạo lập không gian kinh tế thống nhất toàn vùng. Tuy nhiên, một thực tế đáng bàn là có sự khác biệt tương đối lớn trong nhận thức thực trạng nội dung liên kết trong thu hút FDI trong các nội dung khuyến khích, quảng bá, xúc tiến và quản lý đầu tư cho thấy việc triển khai có thể

chưa được đồng bộ, thông tin chưa được rộng rãi hoặc có thể có quan điểm khác nhau trong liên kết từng nội dung cụ thể giữa các bộ phận chức năng cụ thể.

Nội dung khảo sát về mức độ liên kết cho thấy hiện các liên kết của Bình Định với các địa phương khác trong Vùng cũng chỉ ở mức độ chủ trương dài hạn là chính, việc triển khai thực thi thực tế chưa ở mức độ cao, và chưa đạt tầm như mong đợi của các đối tượng có liên quan. Điều này cũng có thể thấy được qua thực tế Bình Định vẫn chưa có bộ phận chuyên trách công tác liên kết với tư cách là cơ quan tham mưu và trực tiếp thực thi các kế hoạch liên kết, dù nội dung "Biên bản cam kết liên kết phát triển 7 tỉnh duyên hải miền Trung" thỏa thuận năm 2011 có đề cập nội dung này.

Bàn về lợi ích, chi phí và rủi ro trong liên kết, thực tế yếu tố học hỏi được kinh nghiệm được đánh giá là lợi ích nổi trội nhất dưới con mắt của những người tham gia vào quá trình thu hút FDI cho thấy tính sơ khai của các liên kết. Bên cạnh đó, lợi ích kỳ vọng được cảm nhận lớn hơn lợi ích hiện tại cho thấy tính hợp lý của những khẳng định nên tiếp tục và gia tăng mức độ liên kết với các địa phương khác. Thực tế chi phí cảm nhận không quá cao cho thấy chi phí chưa phải là rào cản lớn đối với xúc tiến liên kết thu hút FDI của Bình Định. Cũng có thể cho rằng, thực tế này cùng với thực tế nội dung liên kết chưa nhiều và sâu cho thấy có thể chưa có nhiều hạng mục "chi phí" được đưa vào cân nhắc do các hoạt động liên kết thực tế chưa phát sinh. "Chi phí" trong liên kết sử dụng các công cụ khuyến khích FDI có biểu hiện là lớn nhất cũng có thể cho thấy khó khăn trong việc phối hợp giữa các địa phương cùng sử dụng công cụ cạnh tranh "điểm nóng" này. Bên cạnh đó, các khía cạnh rủi ro trong liên kết đều được đánh giá là khá cao cho thấy có thể rủi ro liên kết là rào cản đáng kể.

Xét về yếu tố môi trường triển khai liên kết, thực tế khảo sát cho thấy Bình Định đang hưởng lợi từ điều kiện địa lý - kinh tế và văn hóa - xã hội của địa phương và Vùng khá thuận lợi cho triển khai liên kết, trong khi chưa có nhiều thuận lợi từ yếu tố chính trị - hành chính. Do môi trường hoạt động là nguồn chủ yếu của các rủi ro, thực tế còn nhiều nhân tố môi trường cần thiết để thúc đẩy liên kết chưa có biểu hiện đáng kể cho thấy còn nhiều rủi ro tiềm ẩn có thể cản trở liên kết, đặc biệt là môi trường chính trị - hành chính. Ngoài ra, việc rủi ro khi tham gia hoạt động liên kết cải thiện môi trường đầu tư thu hút FDI được nhận định là cao nhất so với các hoạt động khác cho thấy có thể có sự mâu thuẫn giữa lợi ích ngắn hạn của liên kết với tính dài hạn của đầu tư cho môi trường đầu tư.

Trong bối cảnh môi trường liên kết như vậy, việc liên kết trong thu hút FDI giữa Bình Định và các địa phương trong vùng chưa có được cấu trúc và quản lý được đánh giá cao cho thấy tính hợp lý của phạm vi hẹp và mức độ liên kết chưa cao hiện nay. Do đây là liên kết giữa các bộ máy công quyền, lại trong phạm vi địa lý rộng lớn, cách tiếp cận "cấu trúc phục vụ chiến lược" có thể phù hợp hơn cách tiếp cận "chiến lược chạy theo cấu trúc" nhằm tạo ra các đột phá mở rộng phạm vi và gia tăng mức độ liên kết. Bên cạnh đó, tính phân cách hành chính giữa chính quyền các địa phương và tính chuyên môn hóa sâu trong một bộ máy chính quyền khiến cho bất cứ hoạt động chung nào cũng cần có "đầu tàu" dẫn dắt mới dễ thành công. Chưa có cấu trúc và tổ chức quản

lý như mong đợi cũng như chưa có đầu tàu tích cực có thể là nguyên nhân cản trở quá trình liên kết vừa qua.

Một tín hiệu khả quan cho liên kết này là một vài biểu hiện tích cực của cấu trúc, quản lý và lãnh đạo đã dần hình thành. Thực tế quan sát và khảo sát cho thấy các địa phương trong Vùng có sự tin tưởng lẫn nhau cao, có các thỏa thuận khung được ký kết bởi các cấp quản lý địa phương cao nhất, có nhiều hoạt động phối hợp giữa nhân sự cấp chức năng, nhân lực tham gia liên kết ít có sự biến động và là những người có năng lực, và ở một mức độ nào đó đã có yếu tố tiền phong của một hay vài cá nhân thúc đẩy quá trình liên kết. Những yếu tố này sẽ là các nhân tố tiền đề, tạo điều kiện cho liên kết có bộ phận tiếp tục phát triển.

Trong thời gian tới, Bình Định có chủ trương tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thu hút các nguồn lực bên ngoài địa phương phục vụ phát triển, trong đó có nguồn vốn nước ngoài. Định hướng của tỉnh là ưu tiên xúc tiến đầu tư một số dự án lớn có tính chất tạo động lực chuyển biến mạnh. Vì thế, tỉnh chủ trương thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực và thương hiệu mạnh để đầu tư các dự án lớn then chốt. Đối với những nhà đầu tư nhỏ, ưu tiên những dự án có công nghệ sạch và cao đến từ các nước phát triển nhằm vừa nhanh chóng lấp đầy các khu kinh tế, khu công nghiệp và công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, vừa đẩy mạnh công nghiệp phụ trợ, tạo tiền đề hấp dẫn các nhà đầu tư lớn (Sở KHĐT BD, 2014). Trong điều kiện “thị trường vốn” FDI thế giới nghiêng về phía cung và cạnh tranh giữa các địa phương trong nước ngày càng quyết liệt như ngày nay, để đạt được mục tiêu theo định hướng như trên, ngoài việc phải dựa vào “lợi thế địa điểm”² của riêng tỉnh Bình Định, cần thiết phải biết cách tận dụng linh hoạt “lợi thế địa điểm” của cả Vùng. Điều này nhất thiết phải có những thay đổi trong cách thức liên kết vùng hiện nay và vai trò của tỉnh Bình Định. Từ kết quả quan sát và khảo sát thực tế được phân tích, có thể đưa ra nhiều hàm ý chính sách trực tiếp từ từng mục nội dung của khảo sát để phục vụ cho mục tiêu trên. Bên cạnh đó, các đề xuất hàm ý cũng có thể xuất phát từ các lập luận biện chứng giữa các kết quả phân tích nói trên. Trong giới hạn phạm vi của nghiên cứu này, chỉ các hàm ý chính sách trực tiếp cho Bình Định mới được đề xuất, không có đề xuất cho cả liên kết vùng như là một tổng thể. Một vài hàm ý chủ đạo cụ thể như sau:

- Mặc dù lợi ích chung của liên kết giữa các địa phương được nhiều người cho là lớn, kết quả khảo sát cho thấy dường như các lợi ích, chi phí và rủi ro cụ thể trong liên kết thu hút FDI đối với tỉnh Bình Định chưa được nhận diện rõ và cụ thể, đồng thời chưa có kênh truyền thông một cách hữu hiệu đến những đối tượng có liên quan. Nếu có những nghiên cứu cụ thể và truyền thông rộng rãi được triển khai, chắc hẳn các quyết định lựa chọn phạm vi, mức độ và cách thức tổ chức liên kết có lợi cho địa phương sẽ dễ dàng được đưa ra và thực sự có điều kiện đi vào thực tế.

- Bình Định cần hoạch định và truyền thông về mục tiêu và chương trình nghị sự liên kết trong thu hút FDI một cách rõ ràng đến các lực lượng trực tiếp tham gia các hoạt động thu hút FDI của địa phương, qua đó, những

người thực thi hoạt động liên kết này sẽ có được cái nhìn toàn diện, có kim chỉ nam định hướng rõ ràng và vì thế có cách ứng xử thích hợp vượt lên trên các ràng buộc và rào cản hành chính thông thường hiện nay.

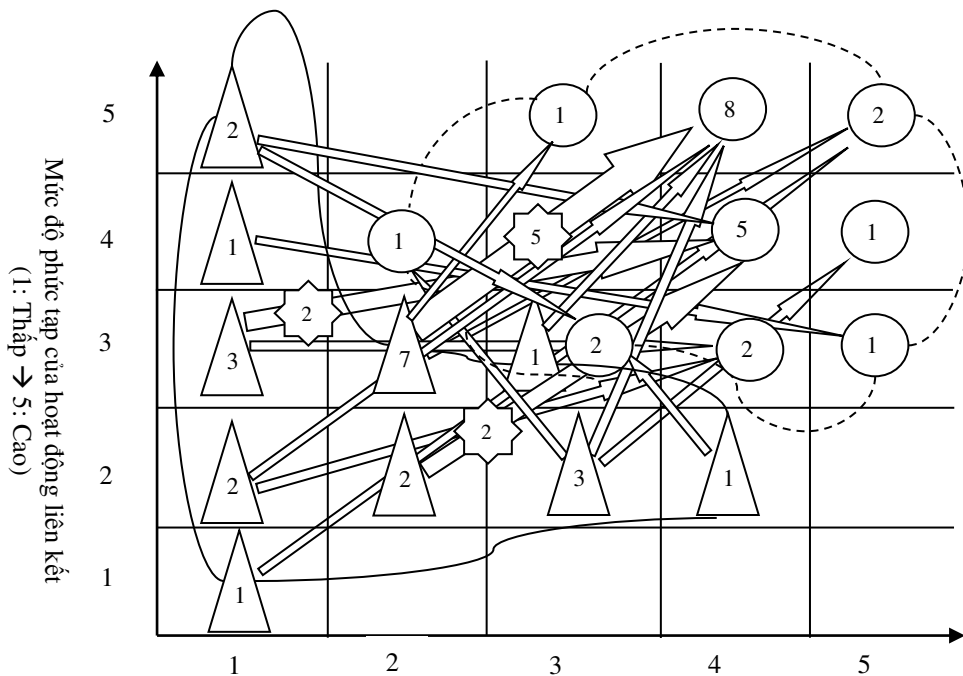
- Liên kết trên phạm vi rộng, nhưng không có hoạt động trụ cột để các hoạt động khác làm điểm tựa hoặc có, nhưng trụ cột này dễ lung lay bởi tác động của các lực lượng không kiểm soát được chắc hẳn sẽ không đem lại kết quả như mong đợi. Mặc dù các hoạt động liên kết mà Bình Định tham gia có biểu hiện ở trên phạm vi rộng, nhưng chưa thấy biểu hiện của trụ cột nào là nổi trội. Nếu đó là hợp tác trong cải thiện môi trường đầu tư và trong xúc tiến đầu tư, đây cũng là hoạt động nằm ở ranh giới giữa cạnh tranh và hợp tác, nên khó có tính ổn định trong giai đoạn sơ khai của hợp tác. Nên chăng cần chọn một vài hoạt động để tập trung liên kết, trong đó tránh các rủi ro cạnh tranh ở giai đoạn liên kết sơ khai này.

- Khảo sát cho thấy rằng các biểu hiện của cấu trúc, quản lý và lãnh đạo có lợi cho liên kết chưa được sâu sắc dưới góc nhìn của lực lượng làm công tác thu hút FDI của tỉnh Bình Định. Kết quả khảo sát về quan hệ giữa kỳ vọng và thực tế mối quan hệ giữa tính phức tạp của hoạt động liên kết (về phạm vi và mức độ) với tính chuyên nghiệp của quản trị liên kết (tính ràng buộc và tính chính thức của định chế liên kết) cho thấy đa số có mong muốn đẩy mạnh cả hai khía cạnh này (xem Hình 1). Điều này cho thấy việc tăng cường các khía cạnh đặc trưng của cấu trúc, quản lý và lãnh đạo có lợi cho liên kết là phù hợp với kỳ vọng của những người trong cuộc. Trong số nhiều khía cạnh của từng nội dung này, Bình Định nên lựa chọn một vài khía cạnh và có cách thức ưu tiên thúc đẩy chúng tùy theo vị thế, lợi ích và điều kiện của mình, góp phần vào việc thúc đẩy nội dung liên kết và hoàn thiện quản trị liên kết Vùng, phục vụ lợi ích chung của Vùng cũng như lợi ích của địa phương. Hướng ưu tiên có thể là nâng cao hơn nữa vai trò của các cơ quan điều phối vùng và các đơn vị chức năng của nó, gia tăng quan hệ chiều ngang và phát huy hơn nữa vai trò quản trị tầm trung.

- Có rất nhiều yếu tố môi trường tác động đến tổ chức và kết quả liên kết, vì thế không thể cùng một lúc có thể khai thác những tác động có lợi và hạn chế tất cả những tác động bất lợi. Nhận biết các yếu tố nào nên khai thác hay cần hạn chế tại từng thời điểm là cần thiết. Với kết quả khảo sát, có thể thấy Bình Định nên xem xét lựa chọn khác phục sự khác biệt và tách biệt về mặt tổ chức bộ máy hành chính địa phương với các địa phương khác, lấy yếu tố này cùng các yếu tố thuận lợi khác như sự đồng thuận của cộng đồng địa phương, tương đồng về điều kiện văn hóa - xã hội hay tính kết nối của điều kiện cơ sở hạ tầng để truyền thông xúc tiến hình ảnh địa phương Bình Định như là điểm đến đầu tư hấp dẫn với các đặc trưng riêng có về điều kiện ngành, nhưng lại là một bộ phận của thị trường thống nhất và là nơi có thể mở rộng tiếp cận cả vùng.

- Khảo sát cho thấy vẫn còn có e ngại rằng liên kết được thúc đẩy có thể gây ra bất ổn và mất tự chủ cho nền hành chính địa phương do cách thức tổ chức bộ máy chính trị - hành chính chưa sẵn sàng cho việc này. Với xu hướng thúc đẩy liên kết như đã phân tích ở trên, chắc chắn phải chấp nhận tác động này như là một xu hướng khách quan hoặc phải có những điều chỉnh thích hợp để đảm bảo bộ máy thích ứng một cách linh hoạt trong quá trình hội nhập liên kết.

² Lợi thế địa điểm được hiểu theo nghĩa rộng theo cách tiếp cận của mô hình OLI của Dunning (1977).



Mức độ ràng buộc và tính chính thức của các định chế quản trị liên kết (1: Thấp → 5: Cao)

Hình 1. Thực tế theo cảm nhận và mong đợi về mối quan hệ giữa tính phức tạp của liên kết và tính chuyên nghiệp của quản trị liên kết
Chú thích: Hình tam giác: Số lượng đáp viên lựa chọn tọa độ cho tình hình hiện thời theo cảm nhận cá nhân; Hình tròn: Số lượng đáp viên lựa chọn tọa độ cho kỳ vọng cá nhân; Mũi tên: Quan hệ giữa thực tế và kỳ vọng; Hình sao tám đỉnh: Số đáp viên chọn mỗi quan hệ giữa thực tế và kỳ vọng (không ghi được hiểu là 1). Dữ liệu: 23 trong 25 quan sát có dữ liệu phù hợp cho phân tích.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ dữ liệu khảo sát.

5. Kết luận

Bằng các quan sát thực tế và khảo sát những nội dung của liên kết vùng trong thu hút FDI thông qua điều tra các đối tượng tham gia vào công tác thu hút FDI của Bình Định, nghiên cứu này đã xem xét được nhiều khía cạnh nội dung và mức độ liên kết của Bình Định với các địa phương khác trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, đánh giá được biểu hiện mức độ lợi ích, chi phí và rủi ro của liên kết, biểu hiện thuận lợi của các yếu tố môi trường liên kết và nội dung quản trị liên kết dưới góc nhìn của người trong cuộc. Có thể kết luận rằng, trong khuôn khổ liên kết vùng đã được khởi động 5 năm qua, mặc dù Bình Định cũng đã có một vài động thái liên kết với các địa phương khác trong thu hút FDI, nhưng vẫn biểu hiện ở mức thấp. Điều này có thể là do nhận thức về lợi ích, chi phí và rủi ro liên kết còn chưa rõ ràng và còn nhiều khác biệt, một số khía cạnh môi trường liên kết, đặc biệt là nhóm môi trường chính trị - hành chính chưa có nhiều biểu hiện thuận lợi. Bên cạnh đó, quản trị liên kết vùng cũng ở mức chưa cao, xét ở cả ba khía cạnh cấu trúc, quản lý và lãnh đạo liên kết. Kết quả nghiên cứu cũng cho phép kết luận rằng xu hướng tiếp tục tham gia liên kết ở mức độ cao hơn sẽ là chủ đạo, trong đó vừa gia tăng phạm vi và mức độ liên kết, vừa gia tăng tính chuyên nghiệp của quản trị liên kết là mong đợi chung. Hướng về mục tiêu này, nghiên cứu cũng đã đề xuất một số hàm ý chính sách, trong đó nhấn mạnh đến nghiên cứu và truyền thông về lợi ích, chi phí và rủi ro liên kết trong thu hút; lựa chọn các nội dung liên kết làm trụ cột khi mở rộng phạm vi nội dung liên kết; lựa chọn điểm ưu tiên trong quản trị liên kết để xúc tiến; lựa chọn các yếu tố môi trường liên kết để ưu tiên khai thác hay khắc phục; cũng như điều chỉnh tổ chức chính trị - hành chính địa phương theo

hướng đáp ứng những tác động từ xu hướng liên kết chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] CoE, UNDP và LGI (2008), "Toolkit Manual on Intermunicipal Cooperation", Council of Europe, the United Nations Development Program, and Local Government Initiative of the Open Society.
- [2] Cristofoli, D., Maccio, L., & Sancino, A. (2011), "Managing successful networks: the case of intermunicipality collaboration in Switzerland", *Yearbook Swiss Public Administration Society*, Bern.
- [3] Dunning, J.H. (1977), "Trade, Location of Economic Activity and the MNE: A Search for an Eclectic Approach", in Bertil Ohlin, Per-Ove Hesselborn, and Per Magnus Wijkman, eds., *The International Allocation of Economic Activity*, London: Macmillan.
- [4] Feiock, R. C. (2013), "The institutional collective action framework", *Policy Studies Journal*, 41(3).
- [5] Loewendahl H. (2001), "A Framework for FDI Promotion", *Transnational Corporations*, 10(1).
- [6] Otgaar, A., van den Berg, L., van den Meer, J., & Speller, C. (2008), *Empowering metropolitan regions through new forms of cooperation*: Ashgate Publishing, Ltd.
- [7] Sở KHĐT BD (2012), "Báo cáo tổng kết 25 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Định (giai đoạn 1987-2012)", Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định.
- [8] Sở KHĐT BD (2014), *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2014 và kế hoạch năm 2015 của tỉnh Bình Định*, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định.
- [9] Turrini, A., Cristofoli, D., Frosini, F., & Nasi, G. (2010), "Networking Literature about Determinants of Network Effectiveness", *Public Administration*, 88(2).
- [10] Văn phòng UBND BD (2011), *Biên bản cam kết liên kết phát triển 07 tỉnh duyên hải miền Trung*, Thành ủy, tỉnh ủy các tỉnh thành Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa. Tải từ website Văn phòng UBND tỉnh Bình Định, <http://www.ubndbinhdinh.vn/hop-tac-phat-trien/trong-nuoc/948-cam-ket-lien-ket-phat-trien-7-tinh-duyen-hai-mien-trung.html>, ngày 15/8/2015.